

1. Tổng quan về doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh (BMP) là công ty cổ phần hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh các sản phẩm từ chất dẻo và cao su. Công ty có một công ty con (Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Bình Minh Miền Bắc) và hai công ty liên kết (Công ty Cổ phần Nhựa Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Bình Minh Việt).

Doanh nghiệp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Kiểm tra tính chính xác của các thông tin trong báo cáo tài chính Bảng cân đối kế toán

• Thiếu:

- Các khoản dự trữ (Mục 18)
- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số (Mục 16)
- Không có chỉ tiêu "Tổng tài sản ngắn hạn" (mã 100)
- Không có chỉ tiêu "Tổng nợ phải trả" (mã 300)
- Không có chỉ tiêu "Tổng vốn chủ sở hữu" (mã 400)
- Không có chỉ tiêu "Nguồn kinh phí" (mã 430)
- Không có chỉ tiêu "Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ" (mã 432)

• Bất thường:

- Mã số 411 bị trùng lặp.
- Tổng tài sản dài hạn (mã 200) không phải là tổng của các khoản mục từ 210 đến 260 như công thức đã nêu.
- Tổng cộng nguồn vốn (mã 440) không bằng tổng nợ phải trả (mã 300) và vốn chủ sở hữu (mã 400).
- Vốn chủ sở hữu (mã 400) chỉ bằng vốn chủ sở hữu (mã 410).
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được trình bày không rõ ràng, có vẻ như đang cộng dồn số lũy kế và số phát sinh trong năm.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

• Thiếu:

- Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong lãi hoặc lỗ sau thuế (Mục 16)
- Lợi nhuận thuần trong kỳ (Mục 17)

- **Bất thường:**

- Chỉ tiêu "Phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết" (mã 24) có vẻ như phải là "Phần sở hữu trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết và liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu" (Mục 12) và phải được trình bày là số dương nếu có lãi.
- Chỉ tiêu 18.1 và 18.2 không được đánh số thứ tự theo quy định.

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của doanh nghiệp tuân theo MẪU 2 (PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP).

2. Phân tích bảng cân đối kế toán

Phần Nguồn Vốn:

- **Cơ cấu:** Nguồn vốn của công ty chủ yếu đến từ vốn chủ sở hữu (2.701.698.690.635 VND), chiếm tỷ trọng lớn hơn so với nợ phải trả (498.796.285.653 VND).
- **Nợ phải trả:** Nợ phải trả chủ yếu là nợ ngắn hạn (480.999.507.110 VND) so với nợ dài hạn (17.796.778.543 VND).
- **So sánh:** Vốn chủ sở hữu tăng nhẹ so với đầu kỳ (từ 2.689.728.981.899 VND lên 2.701.698.690.635 VND), trong khi nợ phải trả giảm (từ 565.271.946.212 VND xuống 498.796.285.653 VND), cho thấy tình hình tài chính ổn định và khả năng tự chủ cao hơn.

Phần Tài Sản:

- **Tổng tài sản:** Tổng giá trị tài sản là 3.200.494.976.288 VND, bao gồm tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.
- **Cơ cấu tài sản:** Tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn hơn (1.410.000.000.000 VND) so với tài sản dài hạn (604.381.767.383 VND). Trong tài sản ngắn hạn, đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng đáng kể.
- **So sánh:** Tổng tài sản giảm nhẹ so với đầu kỳ (từ 3.255.000.928.111 VND xuống 3.200.494.976.288 VND). Tiền và các khoản tương đương tiền giảm đáng kể (từ 821.414.457.106 VND xuống 504.172.685.550 VND), trong khi hàng tồn kho tăng (từ 364.225.974.474 VND lên 463.583.886.225 VND).

Đánh giá:

- **Các khoản mục cần chú ý:**

- **Phải thu ngắn hạn của khách hàng (131):** 128.698.476.501 VND, cần theo dõi khả năng thu hồi nợ.

- **Phải trả người bán ngắn hạn (311):** 172.294.900.429 VND, cho thấy áp lực thanh toán đối với nhà cung cấp.
- **Vốn lưu động:** Có sự thay đổi trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, đặc biệt là sự giảm của tiền và tăng của hàng tồn kho, cần xem xét kỹ lưỡng để đảm bảo khả năng thanh toán.
- **Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** Chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản ngắn hạn, cho thấy công ty có nguồn tiền nhàn rỗi đáng kể và đang đầu tư vào các công cụ tài chính ngắn hạn.
- **Chi phí trả trước dài hạn:** Chiếm tỷ trọng lớn trong tài sản dài hạn khác, cần xem xét chính sách phân bổ chi phí để đánh giá hiệu quả sử dụng.

3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

- **Doanh thu thuần giảm:** Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm từ 5.156.984.370.216 VND năm 2023 xuống 4.615.678.655.546 VND năm 2024.
- **Lợi nhuận gộp giảm:** Lợi nhuận gộp giảm từ 2.116.419.970.158 VND năm 2023 xuống 1.988.626.867.992 VND năm 2024.
- **Doanh thu hoạt động tài chính giảm:** Doanh thu hoạt động tài chính giảm đáng kể từ 118.503.493.327 VND năm 2023 xuống 78.731.633.534 VND năm 2024.
- **Chi phí tài chính tăng:** Chi phí tài chính tăng từ 145.561.663.111 VND năm 2023 lên 162.364.102.533 VND năm 2024, chủ yếu do chiết khấu thanh toán.
- **Chi phí bán hàng giảm:** Chi phí bán hàng giảm từ 676.251.353.235 VND năm 2023 xuống 555.916.198.609 VND năm 2024.
- **Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng:** Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ từ 106.918.740.381 VND năm 2023 lên 119.640.553.673 VND năm 2024.
- **Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm:** Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh giảm từ 1.304.060.955.848 VND năm 2023 xuống 1.228.940.159.698 VND năm 2024.
- **Lợi nhuận khác tăng:** Lợi nhuận khác tăng đáng kể từ 3.121.925.578 VND năm 2023 lên 11.592.693.989 VND năm 2024.
- **Lợi nhuận sau thuế giảm:** Lợi nhuận sau thuế giảm từ 1.041.006.333.282 VND năm 2023 xuống 990.761.729.138 VND năm 2024.
- **Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm:** Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ 12.717 VND năm 2023 xuống 12.103 VND năm 2024.

4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2024 cho thấy dòng tiền thuần từ hoạt động kinh doanh giảm so với năm 2023, từ 1.602.839.085.529 VND xuống 900.554.973.918

VND. Nguyên nhân chủ yếu do sự thay đổi trong vốn lưu động, đặc biệt là tăng hàng tồn kho và giảm các khoản phải trả.

Dòng tiền từ hoạt động đầu tư âm, với giá trị (248.318.241.716) VND năm 2024, cho thấy doanh nghiệp tiếp tục đầu tư vào tài sản cố định và các công cụ nợ, mặc dù có thu hồi từ cho vay.

Hoạt động tài chính ghi nhận dòng tiền âm (969.503.505.920) VND, chủ yếu do chi trả cổ tức lớn cho chủ sở hữu.

Lưu chuyển tiền thuần trong năm là âm (317.266.773.718) VND, dẫn đến tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm giảm xuống 504.172.685.550 VND so với đầu năm. Doanh nghiệp đã sử dụng các khoản tương đương tiền để bù đắp cho dòng tiền âm từ hoạt động đầu tư và tài chính.

5. Các chỉ số tài chính cơ bản.

Chỉ số	31/12/2024	1/1/2024	Ghi chú
1. Chỉ số thanh khoản			
Thanh khoản hiện hành	$(504,173 + 1,410,000 + 177,753 + 463,584 + 40,604) / 481,000 = 5.23$	$(821,414 + 1,190,000 + 174,028 + 364,226 + 44,232) / 546,150 = 5.13$	Đơn vị: tỷ VND
Thanh khoản nhanh	$(2,696,114 - 463,584) / 481,000 = 4.64$	$(2,593,900 - 364,226) / 546,150 = 4.08$	Đơn vị: tỷ VND
Thanh khoản tức thời	$504,173 / 481,000 = 1.05$	$821,414 / 546,150 = 1.50$	Đơn vị: tỷ VND
2. Chỉ số đòn bẩy tài chính			
Hệ số nợ	$498,796 / 3,200,495 = 0.16$	$565,272 / 3,255,001 = 0.17$	Đơn vị: tỷ VND

Chỉ số	31/12/2024	1/1/2024	Ghi chú
Nợ trên vốn chủ	498,796 / 2,701,699 = 0.18	565,272 / 2,689,729 = 0.21	Đơn vị: tỷ VND
Khả năng thanh toán lãi vay	1,228,940 / 20.863 = 58.90	1,304,061 / 38.677 = 33.71	EBIT lấy từ Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh, Chi phí lãi vay lấy từ chi phí tài chính. Đơn vị: tỷ VND
3. Chỉ số hiệu quả hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	2,627,052 / ((463,584 + 364,226)/2) = 6.35	Không tính được	Giá vốn hàng bán năm 2024 / Hàng tồn kho bình quân năm 2024. Cần số liệu hàng tồn kho năm trước để tính bình quân. Đơn vị: tỷ VND
Vòng quay khoản phải thu	4,615,679 / ((177,753 + 174,028)/2) = 26.22	Không tính được	Doanh thu thuần năm 2024 / Khoản phải thu bình quân năm 2024. Cần số liệu khoản phải thu năm trước để tính bình quân. Đơn vị: tỷ VND
Vòng quay tổng tài sản	4,615,679 / ((3,200,495 + 3,255,001)/2) = 1.43	Không tính được	Doanh thu thuần năm 2024 / Tổng tài sản bình quân năm 2024. Cần số liệu tổng tài sản năm trước để tính bình quân. Đơn vị: tỷ VND
4. Chỉ số lợi nhuận			
Biên lợi nhuận gộp	1,988,627 / 4,615,679 = 43.08%	2,116,420 / 5,156,984 = 41.04%	Đơn vị: tỷ VND
Biên lợi nhuận ròng	990,762 / 4,615,679 = 21.47%	1,041,006 / 5,156,984 = 20.19%	Đơn vị: tỷ VND
		Không tính được	

Chỉ số	31/12/2024	1/1/2024	Ghi chú
ROA (Hiệu quả tài sản)	990,762 / ((3,200,495 + 3,255,001)/2) = 30.59%		Lợi nhuận sau thuế năm 2024 / Tổng tài sản bình quân năm 2024. Cần số liệu tổng tài sản năm trước để tính bình quân. Đơn vị: tỷ VND
ROE (Hiệu quả vốn chủ sở hữu)	990,762 / ((2,701,699 + 2,689,729)/2) = 36.72%	Không tính được	Lợi nhuận sau thuế năm 2024 / Vốn chủ sở hữu bình quân năm 2024. Cần số liệu vốn chủ sở hữu năm trước để tính bình quân. Đơn vị: tỷ VND
5. Chỉ số định giá			
EPS	990,762 / 818,609 = 1,210.30	1,041,006 / 818,609 = 1,271.78	Lợi nhuận sau thuế / Số cổ phiếu lưu hành. Số cổ phiếu lưu hành lấy từ Vốn cổ phần. Đơn vị: tỷ VND
P/E	Không tính được	Không tính được	Cần thông tin về giá thị trường cổ phiếu.
P/B	Không tính được	Không tính được	Cần thông tin về giá thị trường cổ phiếu và giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS).
6. Các chỉ tiêu cơ bản khác			
Doanh thu thuần	4,615,679	5,156,984	Đơn vị: tỷ VND
Giá vốn	2,627,052	3,040,564	Đơn vị: tỷ VND
Lợi nhuận gộp	1,988,627	2,116,420	Đơn vị: tỷ VND
Lợi nhuận trước thuế	1,240,533	1,307,183	Đơn vị: tỷ VND

Chỉ số	31/12/2024	1/1/2024	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế	990,762	1,041,006	Đơn vị: tỷ VND
7. Tăng trưởng			
Tăng trưởng Doanh thu thuần	(4,615,679 - 5,156,984) / 5,156,984 * 100 = -10.50%	N/A	
Tăng trưởng Giá vốn	(2,627,052 - 3,040,564) / 3,040,564 * 100 = -13.53%	N/A	
Tăng trưởng Lợi nhuận gộp	(1,988,627 - 2,116,420) / 2,116,420 * 100 = -6.04%	N/A	
Tăng trưởng Lợi nhuận trước thuế	(1,240,533 - 1,307,183) / 1,307,183 * 100 = -5.10%	N/A	
Tăng trưởng Lợi nhuận sau thuế	(990,762 - 1,041,006) / 1,041,006 * 100 = -4.83%	N/A	
8. Dòng tiền			
CFO/ Doanh thu thuần	900,555 / 4,615,679 = 0.195	1,602,839 / 5,156,984 = 0.311	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần. Đơn vị: tỷ VND
FCFE	900,555 - 108,998 = 791,557	1,602,839 - 57,979 = 1,544,860	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh - Tiền chi mua sắm, xây dựng

Chỉ số	31/12/2024	1/1/2024	Ghi chú
			TSCĐ và các tài sản dài hạn khác. Đơn vị: tỷ VND

6. Phân tích các chỉ số cơ bản.

1. Phân tích cơ cấu nguồn vốn và cơ cấu tài sản:

- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu:** Giảm nhẹ từ 0.83 xuống 0.84, cho thấy doanh nghiệp vẫn chủ yếu dựa vào vốn chủ sở hữu, sức khỏe tài chính tốt.
- Tỷ lệ đầu tư vào tài sản:** Cần thêm thông tin về cơ cấu tài sản (ngắn hạn/dài hạn) để đánh giá chi tiết hơn về khả năng thanh khoản và sinh lời.

2. Phân tích khả năng thanh toán:

- Thanh khoản hiện hành:** Tăng nhẹ từ 5.13 lên 5.23, cho thấy khả năng thanh toán nợ ngắn hạn tốt.
- Thanh khoản nhanh:** Tăng từ 4.08 lên 4.64, cho thấy khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn được cải thiện.
- Thanh khoản tức thời:** Giảm từ 1.50 xuống 1.05, cho thấy khả năng thanh toán ngay lập tức các khoản nợ ngắn hạn giảm.
- Khả năng thanh toán lãi vay:** Tăng mạnh từ 33.71 lên 58.90, cho thấy doanh nghiệp có khả năng trả lãi vay tốt hơn.
- Vòng quay khoản phải thu:** Tăng từ 26.22, cho thấy tốc độ thu hồi nợ nhanh.
- Vòng quay hàng tồn kho:** Tăng từ 6.35, cho thấy hàng tồn kho được bán nhanh hơn.

3. Phân tích dòng tiền tài chính:

- Hệ số nợ:** Giảm nhẹ từ 0.17 xuống 0.16, cho thấy doanh nghiệp ít phụ thuộc vào nợ vay hơn.
- Nợ trên vốn chủ:** Giảm từ 0.21 xuống 0.18, cho thấy mức độ sử dụng nợ so với vốn chủ sở hữu giảm.

4. Phân tích khả năng sinh lời:

- Biên lợi nhuận gộp:** Tăng từ 41.04% lên 43.08%, cho thấy hiệu quả quản lý chi phí sản xuất tốt hơn.
- Biên lợi nhuận ròng:** Tăng từ 20.19% lên 21.47%, cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh được cải thiện.
- ROA:** Tăng từ 30.59%, cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản tốt.

- **ROE:** Tăng từ 36.72%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn chủ sở hữu tốt.
- **EPS:** Giảm từ 1,271.78 xuống 1,210.30, cho thấy lợi nhuận trên mỗi cổ phiếu giảm.

5. Phân tích dòng tiền:

- **CFO/Doanh thu thuần:** Giảm từ 0.311 xuống 0.195, cho thấy hiệu quả tạo tiền từ doanh thu giảm.
- **FCFE:** Giảm từ 1,544,860 xuống 791,557, cho thấy dòng tiền tự do giảm.

6. Tăng trưởng:

- Doanh thu thuần, giá vốn, lợi nhuận gộp, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều giảm.

Nhận định chung:

Mặc dù các chỉ số thanh khoản, khả năng sinh lời và hiệu quả hoạt động đều có sự cải thiện, nhưng doanh thu và lợi nhuận lại giảm. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và dòng tiền tự do cũng giảm. Cần phân tích sâu hơn về nguyên nhân giảm doanh thu và dòng tiền để đưa ra đánh giá đầy đủ hơn về tình hình tài chính của doanh nghiệp.